TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: **331**/2021/QĐ-ST	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH

Căn cứ Khoản 5 Điều 38; điểm h Khoản 1 Điều 143, Điều 144; Điều 145 và điểm a Khoản 1 Điều 123 của Luật Tố tụng Hành chính;

Căn cứ Khoản 3 Điều 18 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 25/2018/TLST-HC ngày 18 tháng 01 năm 2018 về việc: *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Nhận thấy: Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2017 của ông Nguyễn Văn M và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Năm 1997, ông Nguyễn Văn D là cha ruột ông Nguyễn Văn M cho ông M phần đất có diện tích 237,5m^2 thuộc một phần thửa 96, tờ bản đồ số 13 (tương ứng với một phần thửa số 8, tở bản đồ số 37) tọa lạc tại xã V, huyện B. Năm 2004, ông M chuyển nhượng 93m^2 đất trong phần diện tích đất nêu trên cho ông Thiều Quang N và năm 2005 ông chuyển nhượng 93m^2 đất trong phần diện tích đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị T, sau đó bà Nguyễn Thị T chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn L bằng giấy tay. Phần diện tích đất trên nằm trong dự án đường cao tốc Bến Lức - Long Thành nên bị thu hồi giải tỏa và Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành các quyết định gồm:

- Quyết định thu hồi đất số 2206/QĐ-UBND ngày 21/01/2014; Quyết định số 3000/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 về việc điều chỉnh chủ thể, địa chỉ thu hồi đất tại Quyết định thu hồi đất số 2206/QĐ-UBND ngày 21/01/2014; Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 9471/QĐ-UBND ngày 16/7/2014; Quyết định số 6936/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với ông Thiều Quang N.

- Quyết định thu hồi đất số 2202/QĐ-UBND ngày 21/01/2014; Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 11699/QĐ-UBND ngày 29/8/2014; Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung số 3206/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 đối với bà Nguyễn Thị T. Ngày 17/02/2017, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 2999/QĐ-UBND về việc điều chỉnh chủ thể, địa chỉ thu hồi sang cho ông Nguyễn Văn L.

Ngày 20/9/2017, ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn M lập Văn bản thỏa thuận về việc ông L chuyển nhượng cho ông M phần đất có diện tích 54,5m^2 thuộc thửa đất đã bị Nhà nước thu hồi theo Quyết định thu hồi đất số 2202/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B.

Ngày 27/10/2017 bà Nguyễn Thị M (là vợ ông Thiều Quang N) lập Tờ cam kết với nội dung cam kết bàn giao trả lại nhà đất thuộc thửa đất đã bị Nhà nước thu hồi theo Quyết định thu hồi đất số 2206/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 và Quyết định số 3000/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 về việc điều chỉnh chủ thể, địa chỉ thu hồi đất tại Quyết định thu hồi đất số 2206/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B cho ông Nguyễn Văn M.

Ngày 13/12/2017, ông Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy toàn bộ các quyết định nêu trên.

Đối với phần diện tích đất còn lại ông M đang sử dụng, Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành các quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông M, ông M đã khởi kiện trong một vụ án hành chính khác.

Xét thấy: Các thửa đất ông M chuyển nhượng cho ông Thiều Quang N vào năm 2004 và bà Nguyễn Thị T vào năm 2005, sau đó bà T chuyển nhượng đất lại cho ông Nguyễn Văn L. Năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành các quyết định thu hồi đất; quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông N (do ông N chết nên bà Nguyễn Thị M làm đại diện) và ông L để triển khai thực hiện dự án đường cao tốc Bến Lức - Long Thành. Căn cứ Khoản 7 Điều 170 Luật đất đai năm 2013 thì bà M và ông L phải có nghĩa vụ giao đất cho Nhà nước. Ông Nguyễn Văn M mặc dù biết đất đã bị thu hồi nhưng vẫn thỏa thuận với bà M (vợ ông Thiều Quang N) và ông L để nhận chuyển nhượng lại phần diện tích đất đã bị thu hồi là không đúng quy định của pháp luật về đất đai. Xét chủ thể được điều chỉnh trong các quyết định ông M khởi kiện nêu trên là bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn L, các quyết định này không làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn M. Do đó, ông M không có quyền khởi kiện các quyết định nêu trên theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 123 Luật Tố tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 25/2018/TLST-HC ngày 18 tháng 01 năm 2018, về việc: *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*, giữa:

Người khởi kiện: **Ông Nguyễn Văn M**

Địa chỉ: xã H, huyện B, Thành phố H.

Người bị kiện: **Ủy ban nhân dân huyện B**
Địa chỉ: đường T, thị trấn T, huyện B, Thành phố H.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án

Khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đó, nếu việc khởi kiện này không có gì khác với vụ án đã bị đình chỉ về người khởi kiện, người bị kiện và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp bị đình chỉ theo quy định tại các điểm b, c và e Khoản 1 Điều 123, điểm b và điểm đ Khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính và trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Án phí hành chính sơ thẩm: Hoàn trả 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0048592 ngày 12/01/2018 tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này hoặc kể từ ngày Quyết định này được niêm yết công khai theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Quang Phúc